TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
TP. Đ
--- ** ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------- ** -------

Bản án số:57/2025/DS-ST
Ngày 09.6. 2025
V/v " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP. Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh N**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn B**
Ông **Nguyễn Văn D .**

Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy T** – Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ tham gia phiên tòa : Ông **Đỗ Hùng C** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L – 02 Trương Văn Đ , phường H, quận L, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2024/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXX - ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 12 thỏng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngõn hàng TMCP S** - Trụ sở: Số 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, quận 3, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Huỳnh Văn P** - Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP S (Theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S, Quyết định số 1346/2024/QĐ-QTNNL ngày 08/4/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S;Giấy uỷ quyền ngày 31/8/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S– chi nhánh Sông H) - Địa chỉ liên hệ: Số 240 đường Nguyễn Hữu T, quận Hải C, thành phố Đà N, có mặt.

* Bị đơn: Ông **Lê Văn V** - Sinh năm 1991 - Trú tại: Tổ 51, phường H, quận L, thành phố Đ, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 21/3/2025, ông Lê Văn V đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S) (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tớn dụng cỏ nhõn và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng gọi chung là Hợp đồng). S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ụng Vũ, hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; Lói suất, phớ: theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, tính đến ngày 25.10.2023, ông V đó thực hiện giao dịch với tổng số tiền 209.207.000đ. Trong quỏ trỡnh sử dụng thẻ, từ ngày kớch hoạt thẻ đến nay, ụng Vũ đó thanh toỏn cho Ngõn hàng số tiền 181.139.000đ. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quỏ trỡnh thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn V đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như đó cam kết nên ngày 26.2.2024, Ngõn hàng đó chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ cũn thiếu sang nợ quỏ hạn quy định tại điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ngõn hàng đã nhiều lần thông báo và làm việc trực tiếp yêu cầu thanh toán nợ theo đúng quy định nhưng ông V đều không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do ông Lê Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 31.8.2024, ông Lê Văn V còn nợ của Ngân hàng số tiền 42.683.693đ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghỡn sỏu trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 34.609.093đ (Ba mươi tư triệu sáu trăm lẻ chín nghỡn khụng trăm chín mươi ba đồng), nợ lói là 8.074.600đ (Tám triệu không trăm bảy mươi tư nghỡn sỏu trăm đồng).

Tại phiờn tũa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Lê Văn V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 06.6.2025 là 54.752.643đ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghỡn sỏu trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 34.609.093đ (Ba mươi tư triệu sáu trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi ba đồng), nợ lói quỏ hạn là 20.143.550 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghỡn năm trăm năm mươi đồng). Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.6.2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo điều kiện điều khoản kiêm hợp đồng tín dụng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Văn V theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ụng Vũ đều vắng mặt không có lý do.

* Tại phiờn tũa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu:

Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuân thủ đúng

các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tũa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đó thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn – ông V vắng mặt lần hai, khụng cú lý do nờn phải chịu hậu quả phỏp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ ỏn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 280 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn – Ông Lê Văn V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lói tớnh đến ngày 06.6.2025 là 54.752.643đ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghỡn sỏu trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 34.609.093đ (Ba mươi tư triệu sáu trăm lẻ chín nghỡn khụng trăm chín mươi ba đồng), nợ lói quỏ hạn là 20.143.550 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghỡn năm trăm năm mươi đồng). Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.6.2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo điều kiện điều khoản kiêm hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiờn tũa, bị đơn – Ông Lê Văn V đó được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt khụng cú lý do nờn ỏp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn V .

Về quan hệ phỏp luật: Ông Lê Văn V và Ngõn hàng TMCP S ký kết Hợp đồng cấp thẻ tớn dụng ngày 21.3.2023 trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tớn dụng của Ngân hàng về việc vay số tiền 30.000.000đ. Vì vậy, HĐXX xác định đây là quan hệ phỏp luật tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L được quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp cú trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 21/3/2025, ông Lê Văn V đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S (SacomBank) (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cỏ nhõn và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng gọi chung là Hợp đồng). Sacombank đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ụng Vũ, hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; Lói suất, phớ: theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cỏ nhõn và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xột hợp đồng tín dụng các bên đó tự nguyện ký kết với nội dung khụng trỏi cỏc quy định của pháp luật, hợp đồng cú hỡnh thức và nội dung phù hợp với điều 463, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và cú lói nên có hiệu lực đối với các bên đó tham gia giao dịch.

Trong quá trình sử dụng thẻ tớn dụng, đến ngày 26/2/2024, ông Vũ không thực hiện việc thanh toán tiền gốc và lãi theo cam kết cho Ngõn hàng. Như vậy, ông Vũ đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đó ký được quy định tại quy định tại điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 103 Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lói Luật tổ chức tín dụng *" 1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm...".*

Điều 100. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng : " *1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lói suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tớn dụng. 2. Tổ chức tớn dụng và khỏch hàng cú quyền thỏa thuận về lói suất, phớ cấp tớn dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng..."*

Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Thực hiện nghĩa vụ trả tiền: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đó thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lói tròn nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Vỡ vậy, HĐXX cần thiết buộc ông Lê Văn V phải thanh toỏn toàn bộ số tiền tính đến ngày 06.6.2025 là 54.752.643đ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghỡn sỏu trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 34.609.093đ (Ba mươi tư triệu sáu trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 20.143.550 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghỡn năm trăm năm mươi đồng). Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.6.2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo điều kiện điều khoản kiêm hợp đồng tín dụng.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.737.632đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi bảy nghỡn sỏu trăm ba mươi hai nghỡn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng
- Áp dụng điều 351, 401, 463, 466 và điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 227, điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Văn V.

Xử: Buộc ông Lê Văn V phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 54.752.643đ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghỡn sỏu trăm bốn mươi ba đồng),

trong đó nợ gốc là 34.609.093đ (Ba mươi tư triệu sáu trăm lẻ chín nghỡn khụng trăm chín mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 20.143.550 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghỡn năm trăm năm mươi đồng).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.6.2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo điều kiện điều khoản kiêm hợp đồng tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.737.632đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) ông Lê Văn V phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 1.067.092đ (Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn khụng trăm chín mươi hai đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo biên lai thu số 0009074 ngày 15/11/2024.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án niêm yết bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận :
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Viện KSND quận L.*
- *Lưu hồ sơ.*